TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 30/8/2023
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Long.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Việt Trung;

2/ Ông Võ Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2023/TLPT-HNGĐ ngày 22/5/2023 về việc tranh chấp: "Xin ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 600/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 05 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 427/2023/QĐ-PT ngày 10/07/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2023/QĐ-PT ngày 09/08/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Thị Kim P**, sinh năm 1977 (Có mặt).
Địa chỉ: tổ D, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).
Địa chỉ: tổ D, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

** Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim P trình bày:*

Bà và ông Lê Văn B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/5/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn B.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Huỳnh Thanh T, sinh năm 1997. Lê Huỳnh Quốc T1, sinh ngày 10/3/1998, Lê Huỳnh Thảo N, sinh ngày 19/10/2008. Đối với cháu T, cháu T1 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Thảo N bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Văn B trình bày:*

Ông thống nhất với bà Huỳnh Thị Kim P về quá trình kết hôn, vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì và ông còn rất thương vợ, thương con nên ông muốn các con ông có đầy đủ tình thương của cha mẹ nên ông không đồng ý ly hôn với bà P.

- Về con chung: có 03 con chung như bà P trình bày. Tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Thảo N, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định.

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 235, 266 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Đ a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim P về việc xin ly hôn với ông Lê Văn B.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017280 ngày 28/02/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/04/2023, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim P có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn Huỳnh Thị Kim P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P với ông Lê Văn B. Với lý do: Giữa bà và ông B mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu không còn khả năng hàn gắn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm ông Lê Văn B vắng mặt nhưng qua các lời khai của ông tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện ý chí không đồng ý ly hôn với bà P vì giữa ông và bà P chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, ông vẫn còn thương vợ, con nên mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của bà P là có cơ sở vì quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm ông B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt cho thấy ông B không muốn hàn gắn, duy trì hôn nhân với bà P. Do đó, bà P yêu cầu ly hôn với ông B là có cơ sở được chấp nhận. Về con chung, cháu Thảo N có nguyện vọng sống với bà P nên xem xét cho bà P được trực tiếp nuôi con. Về tài sản, nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Kim P nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Kim P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn B. Ông B đang cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện C xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Văn B đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định của khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim P và ông Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 24/5/2000 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà P trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn do ông B không lo phụ giúp gia đình, bất đồng về quan điểm sống và chủ yếu là mâu thuẫn về tài chính nên thường hay cự cãi nhau, ông B thường xuyên gây áp lực về tinh thần đối với bà P, nên bà bỏ đi ra ngoài thuê nhà sinh sống một mình và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, từ khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ông bà không có gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông B cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm lụng vất vả ông bị đau xương khớp, mệt mỏi nhưng bà P không quan tâm chăm sóc ông. Nay, ông thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà P và ông B là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hoàn cảnh kinh tế khó khăn dẫn đến mâu thuẫn cự cãi nhưng cả hai không có biện pháp khắc phục mà để mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và ngày càng trầm trọng, đến năm 2022 bà P bỏ nhà đi sống riêng từ đó ông và bà sống ly thân nhau, nhưng cả hai cũng không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm mà vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Hôn nữa, từ lúc xét xử sơ thẩm cho đến nay, Tòa án đã triệu tập ông B nhiều lần nhưng ông B đều vắng mặt không rõ lý do. Điều đó chứng tỏ, ông B không muốn hàn gắn đoàn tụ với bà P. Tại phiên tòa, bà P xác định không còn tình cảm với ông B và cương quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà P và ông B đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà P là chính đáng phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà P là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[4] Về con chung: Ông B và bà P thống nhất xác định có 03 con chung gồm: Lê Huỳnh Thanh T, sinh năm 1997, Lê Huỳnh Quốc T1, sinh ngày 10/3/1998 và Lê Huỳnh Thảo N, sinh ngày 19/10/2008. Cả hai con chung là Lê Huỳnh Thanh T và Lê Huỳnh Quốc T1 đã trưởng thành, lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với cháu Lê Huỳnh Thảo N, sinh ngày 19/10/2008: bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B có ý

kiến nuôi cháu Thảo N không yêu cầu bà P cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng : Tại biên bản ghi lời khai ngày 28 tháng 02 năm 2023 (bút lục 01), cháu Thảo N có nguyện vọng sống với bà P. Ông B yêu cầu nuôi cháu Thảo N nhưng hiện ông B sức khỏe không tốt để có thể nuôi con đang tuổi ăn tuổi học. Hơn nữa, cháu Thảo N là con gái đang sống ổn định với bà P nên việc ông B yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Thảo N là không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp hơn vì cháu Thảo N là con gái, việc chăm sóc con sẽ thuận tiện, đảm bảo cho con phát triển về mặt tâm sinh lý. Ông B không có chứng cứ chứng minh cho rằng bà P không đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà P là phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà P thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim P được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim P.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2023/HNGĐ-ST ngày 07/04/2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim P. Cho bà Huỳnh Thị Kim P được ly hôn với ông Lê Văn B..

2. Về con chung

- Giao con chung là Lê Huỳnh Thảo N, sinh ngày 19/10/2008 cho bà Huỳnh Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Kim P không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

3. Tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận việc ông Lê Văn B và bà Huỳnh Thị Kim P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017280 ngày 28/02/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong án phí.

4.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim P không phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm. H lại bà P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017444 ngày 10 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Xuân Long